

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 01 năm 2021

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Phú.

Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03a/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Dương Thị H, sinh năm 1994.(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1992.(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Dương Thị H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn ngày 28/3/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị và anh M về chung sống cùng mẹ đẻ chị ở thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì vợ chồng

thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M ham chơi lô đề, cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn và có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không thay đổi. Mâu thuẫn đỉnh điểm là tháng 3/2020 giữa vợ chồng có xảy ra cãi vã, chửi nhau và anh M đã bỏ đi nơi khác làm ăn, từ đó đến nay không sinh sống cùng chị nữa. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 25/09/2016. Hiện cháu H đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung là cháu H, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Chị và anh M tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị bận công việc, đồng thời chị đã có lời khai đầy đủ và tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án nên chị đề nghị được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh M.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị Lê Dương Thị H kết hôn ngày 28/3/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn anh và chị H về chung sống cùng mẹ đẻ chị H ở thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng thì thoảng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong việc làm ăn phát triển kinh tế, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt. Đến tháng 3/2020 anh đi làm ở Hà Nội, ít về nhà hơn trước giữa hai người có xảy ra cãi vã, chửi nhau. Anh và chị H đã ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng chị H cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 25/09/2016. Hiện cháu H đang ở cùng chị H. Ly hôn, anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung là cháu H. Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung thì anh cũng nhất trí với chị H.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh bận công việc, không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị H và anh được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các buổi làm việc như trên của Tòa án. Anh đã có lời khai tại Tòa án, nay anh vẫn giữ nguyên, không thay đổi, bổ sung gì.

Tại phiên tòa, chị H và anh M đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; biên bản lấy lời khai của chị H, anh M và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 53,56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28,35, 39, 227, 228, 271, 273 BLTTDS Xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Dương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

-Về con chung: Giao cho chị Lê Dương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 25/09/2016. Anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này

- Về án phí: Chị Lê Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

-Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Dương Thị H; bị đơn là anh Nguyễn Văn M đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh M.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Dương Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn M, anh M có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Dương Thị H và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang vào ngày 28/3/2016. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của chị H anh M: Chị H anh M đều xác định ban đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M ham chơi lô đề, cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn và có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không thay đổi. Về phía anh M cho rằng Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong việc làm ăn phát triển kinh tế, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất. Tuy nhiên hai bên đều thừa nhận đã ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Chị H xin ly hôn anh M, anh M xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn anh M thì anh M cũng nhất trí ly hôn.

Qua xác minh tại địa phương thì thấy: Chị Lê Dương Thị H và anh Nguyễn Văn M kết hôn vào ngày 28/3/2016 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y. Sau khi kết hôn chị H anh M sinh sống cùng mẹ đẻ chị H ở Thôn A, xã Y, huyện Y. Ban đầu chị H anh M chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2018 thì có dư luận chị H anh M xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Mạnh ham chơi, không tu chí làm ăn. Khoảng từ tháng 3 năm 2018 thì anh M có đi làm ăn xa, thường xuyên vắng nhà, thì thoảng mới về thăm con.

Nay, chị H xin ly hôn anh M, địa phương đề nghị Tòa án hòa giải, nếu không hòa giải được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Như vậy, chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H và anh M được ly hôn.

[3.2] Về con chung: Chị H anh M có 01 con chung là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 25/09/2016. Hiện cháu H đang ở cùng chị H. Ly hôn, chị H đề nghị được nuôi con chung là cháu H, anh M cũng đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung là cháu H. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H, anh M đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi vợ chồng ly hôn, anh M được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[3.3] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị H, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Dương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Dương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 25/09/2016.

Anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Lê Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2018/0004473 ngày 17/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Y, huyện Y;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Anh